TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 72/2023/DS-ST
Ngày 27.9.2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (S); Trụ sở: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn Đ - Chức vụ: Cán bộ Xử lý nợ tố tụng miền T - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1; Địa chỉ: C N, quận T, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy uỷ quyền số 68/2022/UQ-SeABank ngày 14 tháng 01 năm 2022 và Giấy ủy quyền số 3681/2023/UQ-SeABank ngày 17 tháng 3 năm 2023*), (*Có mặt*).

- Bị đơn:

Ông Mai Tấn H - Sinh năm 1966, (*vắng mặt, không có lý do*);

Bà Hoàng Thị Thúy P - Sinh năm 1969, (*Có mặt*);

Cùng nơi cư trú: 16 Lê Tự T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quạn: Ông Mai N - Sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1945; cùng nơi cư trú: 16 Lê Tự T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Đều vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại Bản trình bày ngày 24 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (- *Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (Viết tắt Ngân hàng Đ1)*) trình bày:

- Ngày 29 tháng 11 năm 2017, ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P có vay của Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh Đ2 - Phòng G số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL và Giấy nhận nợ ngày 29 tháng 11 năm 2017; thời hạn vay: 120 tháng (*Từ ngày 29 tháng 11 năm 2017 đến ngày 28 tháng 11 năm 2027*); kỳ hạn trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng; lãi suất vay: cố định trong 12 tháng 8,9%/năm; mục đích vay: Bù đắp tiền mua nhà.

- Ngày 20 tháng 9 năm 2019, ông H và bà P tiếp tục vay của Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh Đ2 - Phòng G số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng cho vay số Ref1926200165/HĐTD/DNG-MTH; thời hạn cho vay: 120 tháng (*Kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2019 đến ngày 01 tháng 9 năm 2029*); kỳ hạn trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng; lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 13,5%/năm; mục đích vay: Tiêu dùng.

Để đảm bảo khoản vay, ông H và bà P đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số: HH1, địa chỉ: Khu tái định cư H (Giai đoạn A), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 621167 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014 đứng tên ông Mai Văn H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31082/HĐTC/QSDĐVTSGLVĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 được công chứng tại Phòng C3. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ3 tại quận L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1 và bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay thành khoản nợ quá hạn. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 và bà P trả số tiền nợ tính đến ngày 10 tháng 3 năm 2023 là 658.980.482 đồng (*Sáu trăm năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng*), trong đó, nợ gốc 623.465.332 đồng, nợ lãi 35.515.150 đồng; buộc ông H1 và bà P tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả đến nợ. Trường hợp, ông H1 và bà P không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Đến nay, ông H1 và bà P chỉ trả cho Ngân hàng được số tiền: Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL trả được 365.770.331 đồng (*Gồm 156.195.647 đồng nợ gốc và 209.574.684 đồng nợ lãi*), quá hạn 130 ngày; đối với Hợp đồng cho vay từng lần số

Ref1926200165/HĐTD/DNG-MT trả được 304.606.080 đồng (*Gồm 100.346.579 đồng nợ gốc và 204.259.501 đồng nợ lãi*), quá hạn 128 ngày. Ngân hàng bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông H1 và bà P trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử (-*Ngày 27 tháng 9 năm 2023*) là 632.757.381 đồng (*Sáu trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi mốt đồng*), gồm: Nợ gốc trong hạn 228.659.298 đồng, nợ gốc quá hạn 15.145.055 đồng, nợ lãi trong hạn 16.421.357 đồng, nợ lãi quá hạn 778.738 đồng và nợ lãi chậm trả 347.222 đồng đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL; nợ gốc trong hạn 336.076.131 đồng, nợ gốc quá hạn 13.577.290 đồng, nợ lãi trong hạn 20.819.916 đồng, nợ lãi quá hạn 590.024 đồng và nợ lãi chậm trả 342.350 đồng đối với Hợp đồng cho vay từng lần số Ref1926200165/HĐTD/DNG-MT. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

* Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Hoàng Thị Thúy P trình bày:

Xác nhận bà và chồng là ông Mai Tấn H có ký 02 (*Hai*) Hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng Đ1 tổng số tiền 400.000.000 đồng và 450.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, bà và ông H có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 621167 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014. Do kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng bà không thực hiện được hợp đồng đã ký. Bà xin ngân hàng tạo điều kiện và phương án tối ưu nhất để vợ chồng bà có khả năng trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên toà, bà P đề nghị ngân hàng cho thời gian để trả hết khoản tiền lãi quá hạn, sau đó xin trả nợ định kỳ hàng tháng theo thoả thuận tại các hợp đồng.

* Bị đơn - ông Mai Tấn H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Mai N và bà Nguyễn Thị Q không có ý kiến trình bày gửi đến Toà án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, ông H, ông N và bà Q vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số: HH1, địa chỉ: Khu tái định cư H (Giai đoạn A), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, xác định: Thửa đất có địa chỉ hiện nay là 16 Lê Tự T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. So với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 621167 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014, tài sản gắn liền với đất có sự thay đổi: Có 02 (*Hai*) nhà riêng biệt, gồm:

- Ngôi nhà có diện tích 46,5 m^2, là nhà 02 (*Hai*) tầng. Tầng 1 có gác lửng đúc bê tông diện tích 27 m^2, tầng 2 có mái đúc, đang do cha mẹ ông H là ông Mai N và bà Nguyễn Thị Q sử dụng;

- Ngôi nhà có diện tích 42,8 m^2, có cấu trúc tường xây, mái tôn, gác lửng gỗ diện tích 9,1 m^2, đang do bà P sử dụng để buôn bán.

Nhà do ông H và bà P bỏ tiền ra sữa chữa, xây dựng thêm vào năm 2001.

Toà án nhân dân quận Liên Chiểu đã thông báo đưa là ông Mai N và bà Nguyễn Thị Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt lần hai, không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 632.757.381 đồng. Bị đơn tiếp tục trả lãi đối với khoản tiền gốc từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản đã thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn - ông Mai Tấn H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Mai N và bà Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ1, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Hoàng Thị Thúy P xác nhận có ký các hợp đồng vay của Ngân hàng số tiền tổng cộng 850.000.000 đồng như người đại diện của ngân hàng trình bày, bị đơn - ông Mai Tấn H không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P có vay của Ngân hàng Đ1 các khoản bao gồm:

- Số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL và Giấy nhận nợ ngày 29 tháng 11 năm 2017; thời hạn vay: 120 tháng (*Từ ngày 29 tháng 11 năm 2017*); kỳ hạn trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng; lãi suất vay: cố định trong 12 tháng 8,9%/năm, lãi suất cho vay các tháng tiếp theo được điều chỉnh theo nguyên tắc bằng lãi suất VNĐ kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với KHCN tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất

chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả; mục đích vay: Bù đắp tiền mua nhà.

- Số tiền 450.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số Ref1926200165/HĐTD/DNG-MTH; thời hạn cho vay: 120 tháng (*Kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2019*); kỳ hạn trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng; lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 13,5%/năm, được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với KHCN của S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 5%/năm, đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mục đích vay: Tiêu dùng.

Hợp đồng tín dụng được kí kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh Đ2 - Phòng G và ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch, xác định ông H và bà P còn nợ của Ngân hàng số tiền 632.757.381 đồng (*Sáu trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi mốt đồng*).

Đến nay, mặc dù chưa hết thời hạn thanh toán, nhưng ông H và bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng được quy định tại khoản 7 mục A của Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL, cam kết kỳ trả nợ tại Giấy nhận nợ ngày 29 tháng 11 năm 2018 và khoản 7 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số Ref1926200165/HĐTD/DNG-MTH. Do ông H và bà P đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ1, buộc ông H và bà P phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử *(- Ngày 27 tháng 9 năm 2023*) là 632.757.381 đồng, gồm: Nợ gốc trong hạn 228.659.298 đồng, nợ gốc quá hạn 15.145.055 đồng, nợ lãi trong hạn 16.421.357 đồng, nợ lãi quá hạn 778.738 đồng và nợ lãi chậm trả 347.222 đồng đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL; nợ gốc trong hạn 336.076.131 đồng, nợ gốc quá hạn 13.577.290 đồng, nợ lãi trong hạn 20.819.916 đồng, nợ lãi quá hạn 590.024 đồng và nợ lãi chậm trả 342.350 đồng đối với Hợp đồng cho vay từng lần số Ref1926200165/HĐTD/DNG-MT, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 theo mức lãi suất do Ngân hàng Đ1 và ông H, bà P đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31082/HĐTC/QSDĐVTSGLVĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 được công chứng tại Phòng C3 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận L theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp. Tài sản gắn liền với đất có sự thay đổi: Có 02 (*Hai*) nhà riêng biệt, gồm: Ngôi nhà có diện tích 46,5 m^2, là nhà 02 (*Hai*) tầng, tầng 1 có gác lửng đúc bê tông diện tích 27 m^2, tầng 2 có mái đúc; Ngôi nhà có diện tích 42,8 m^2, có cấu trúc tường

xây, mái tôn, gác lửng gỗ diện tích 9,1 m^2, cũng thuộc tài sản thế chấp theo thoả thuận tại khoản 4 Điều 2 của hợp đồng tín dụng đã ký.

Do vậy, trường hợp ông H và bà P không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số: HH1, địa chỉ: Khu tái định cư H (Giai đoạn 1), (*Địa chỉ hiện nay: A Lê Tự T), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng* theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 621167 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014 đứng tên ông Mai Văn H1 và tài sản gắn liền với đất, gồm 02 (*Hai*) nhà riêng biệt: Ngôi nhà có diện tích 46,5 m^2, là nhà 02 (*Hai*) tầng, gồm: Tầng 1 có gác lửng đúc bê tông diện tích 27 m^2, tầng 2 có mái đúc; và ngôi nhà có diện tích 42,8, có cấu trúc tường xây, mái tôn, gác lửng gỗ diện tích 9,1 m^2, sẽ bÞ ph¸t m·i ®Ó thu hải nî tr¶ cho Ng©n hµng.

[3] Xét đề nghị cho thời gian để trả hết khoản tiền lãi quá hạn, sau đó xin trả nợ định kỳ hàng tháng theo thoả thuận tại các hợp đồng của bà Hoàng Thị Thúy P đã không được người đại diện hợp pháp của Ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[4] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% x (632.757.381 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 29.310.295 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm mươi ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 299, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (S) đối với ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử: Buộc ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền là nợ gốc trong hạn 228.659.298 đồng, nợ gốc quá hạn 15.145.055 đồng, nợ lãi trong hạn 16.421.357 đồng, nợ lãi quá hạn 778.738 đồng và nợ lãi

chậm trả 347.222 đồng đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 31082/HĐTD-TL; nợ gốc trong hạn 336.076.131 đồng, nợ gốc quá hạn 13.577.290 đồng, nợ lãi trong hạn 20.819.916 đồng, nợ lãi quá hạn 590.024 đồng và nợ lãi chậm trả 342.350 đồng đối với Hợp đồng cho vay từng lần số Ref1926200165/HĐTD/DNG-MT; tổng cộng cả gốc và lãi là 632.757.381 đồng (*Sáu trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi mốt đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số: HH1, địa chỉ: Khu tái định cư H (Giai đoạn 1), (*Địa chỉ hiện nay: A Lê Tự T), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng* theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 621167 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014 đứng tên ông Mai Văn H1 và tài sản gắn liền với đất, gồm 02 (*Hai*) nhà riêng biệt: Ngôi nhà có diện tích 46,5 m^2, là nhà 02 (*Hai*) tầng, gồm: Tầng 1 có gác lửng đúc bê tông diện tích 27 m^2, tầng 2 có mái đúc; và ngôi nhà có diện tích 42,8, có cấu trúc tường xây, mái tôn, gác lửng gỗ diện tích 9,1 m^2 , để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H1 và bà P thanh toán xong nợ thì Ngân hàng trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 621167 cho ông H1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 29.310.295 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm mươi ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng*) ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P phải chịu.

Hoàn trả cho Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí 15.179.610 đồng (*Mười lăm triệu một trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm mười đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0007934 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) ông Mai Tấn H và bà Hoàng Thị Thúy P phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Đã chi xong*). Ông H và bà P hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền 3.000.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn - bà Hoàng Thị Thúy P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn - ông Mai Tấn H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bi^{a}n b¶n nghÞ ¸n

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn C

2. Bà Nguyễn Thị Thanh B

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); Trụ sở: H L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng D, A P, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Văn bản ủy quyền số 1321/2022/UQ-VPB ngày 10 tháng 6 năm 2022*), (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1 - Sinh năm 1980 và bà Lê Thị Q1 - Sinh năm 1986; cùng nơi cư trú: K N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Đều vắng mặt, không có lý do*).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. VÒ yªu cÇu khëi kiÖn cña nguyªn ®¬n:

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 đối với ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Q1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Q1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 số tiền nợ gốc 265.827.055 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22 tháng 6 năm 2023 là 18.032.659 đồng (*Trong đó, lãi trong hạn là 7.211.468 đồng và lãi quá hạn là 10.821.191 đồng*). Tổng cộng là 283.859.714 đồng (*Hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Q1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia biển kiểm soát số 43A-608.47, số khung RNYBA41M6MC212656, số máy G4FGLH714424, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003912 do Phòng C4 Công an thành phố Đ cấp ngày 31 tháng 3 năm 2021 đứng tên chủ xe Nguyễn Văn C1 để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông C1, bà Q1 thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 trả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003912 do Phòng C4 Công an thành phố Đ cấp ngày 31 tháng 3 năm 2021 cho ông C1, bà Q1.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh B: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phiªn tßa: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

2. VÒ ®iÒu luËt ¸p dông:

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C:

Căn cứ các điều 299, 323, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh B: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phiªn tßa: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

3. VÒ ¸n phÝ:

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C:

Án phí dân sự sơ thẩm là 14.192.986 đồng (*Mười bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng*) ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Q1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 số tiền tạm ứng án phí 9.853.622 đồng (*Chín triệu tám trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005752 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh B: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phiªn tßa: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Vă C2 và bà Nguyễn Thị Thanh B.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

4. VÒ c¸c vÊn ®Ò kh¸c:

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Q1 phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*Đã chi xong*). Ông C1, bà Q1 hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 số tiền 1.000.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh B: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phiªn tßa: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 20 phút, ngày 03 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**